

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI NĂM 2024

Luật Phòng, chống mua bán người được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27/11/2024 (sau đây viết chung là Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 27/2024/L-CTN ngày 02/12/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật Phòng, chống mua bán người số 66/2011/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 (viết chung là Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011), trừ trường hợp người được xác định là nạn nhân trước ngày 01/7/2025 và người dưới 18 tuổi đi cùng thì được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI NĂM 2024¹

1. Thể chế hóa quan điểm của Đảng về công tác phòng, chống mua bán người

Ngày 16/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 13-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; theo đó, Kết luận đã xác định nhiệm vụ nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị là: “Tích cực tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; tội phạm lợi dụng thiên tai, dịch bệnh;... tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người, tội phạm mua bán người, xâm hại trẻ em...”; đồng thời, cùng với nhiệm vụ này, Kết luận cũng đã đưa ra nhiệm vụ trong công tác hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm trong đó có tội phạm mua bán người đó là: “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm; kết hợp giữa cải cách tư pháp với cải cách hành chính”.

2. Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế

Do được thông qua từ năm 2011 nên Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 có một số quy định không bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật của Nhà nước ta (không còn phù hợp với quy định của các

¹ Tờ trình số 54/TTr-CP ngày 15/02/2024 của Chính phủ về dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi).

luật được Quốc hội ban hành sau như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các bộ, ngành có liên quan). Đồng thời, một số quy định có liên quan đến quyền con người, quyền công dân đang được quy định tại văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, do đó, để phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì những quy định liên quan quyền con người, quyền công dân bị hạn chế từ các văn bản dưới luật nêu trên sẽ phải được rà soát để quy định trong luật.

Mặt khác, nạn nhân mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 được xác định theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23/7/2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người, mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; tuy nhiên, quy định về tội phạm mua bán người tại Điều 150 và Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự đã có sự thay đổi. Do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung các căn cứ xác định nạn nhân cho phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bên cạnh đó, quy định về mua bán người, nạn nhân bị mua bán theo quy định của pháp luật hình sự hiện nay chưa hoàn toàn tương thích với Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc), Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

3. Nhằm phát huy vai trò phòng, chống mua bán người từ cơ sở và giải quyết những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác phòng, chống mua bán người hiện nay và trong thời gian tới

Thực tiễn thi hành các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, bất cập; cụ thể như sau:

Các căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để họ được hưởng các chế độ hỗ trợ chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến khó khăn về chi trả kinh phí khi thực hiện tiếp nhận nạn nhân bị mua bán.

Công tác phát hiện các vụ việc liên quan đến mua bán người còn chưa chủ động, hầu như chủ yếu phát hiện qua đơn thư tố giác của người bị hại hoặc gia đình nạn nhân.

Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn: Chỉ quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý trong thời gian cư trú tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, trong khi nhiều nạn nhân thường trở về với những sang chấn về mặt tâm lý, hoảng loạn, lo lắng bị trả thù sau khi cung cấp lời khai cho cơ quan chức năng hoặc khi trở về địa phương bị kỳ thị, xa lánh cũng rất cần được hỗ trợ tâm lý; chỉ có nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được xem xét hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu; mức chi hỗ trợ khó khăn ban đầu cho nạn nhân còn thấp, chưa đảm bảo cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng...

Những người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cần phải được hưởng một số chế độ hỗ trợ thiết yếu (ăn, mặc, ở, y tế, chi phí đi lại, hỗ trợ tâm lý...) và thực tiễn các cơ quan chức năng đã tổ chức hỗ trợ các đối tượng này nhưng chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện.

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 không có quy định về chế độ hỗ trợ chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người không biết, hiểu tiếng Việt trong quá trình tiếp nhận nạn nhân, lấy lời khai hoặc lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp xã hội nên các cơ quan chức năng không có cơ sở pháp lý để thực hiện.

Từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống mua bán người là yêu cầu cấp thiết, khách quan.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Hoàn thiện pháp luật phòng, chống mua bán người, tạo nhận thức thống nhất và đầy đủ về công tác phòng, chống mua bán người trong thời gian tới; nâng cao trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội trong công tác phòng, chống mua bán người; hoàn thiện cơ sở pháp lý trong thực hiện việc hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, an toàn

xã hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng

- Tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về công tác phòng, chống mua bán người; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Bám sát các chính sách trong Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) đã được cấp có thẩm quyền thông qua để quy phạm hóa vào dự thảo Luật, dựa trên nguyên tắc kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống mua bán người hiện nay và trong những năm tiếp theo.

- Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam; bảo đảm phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Nội dung của dự thảo Luật được sửa đổi bảo đảm tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; trong đó, gồm Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc), Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

IV. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI NĂM 2024

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 gồm 08 chương, 63 điều (tăng 05 điều so với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011); trong đó, xây dựng mới 10 điều, sửa đổi, bổ sung nội dung 51 điều, bỏ 07 điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung

Gồm 06 điều (từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) các hành vi bị nghiêm cấm; (4) nguyên tắc phòng, chống mua bán người; (5) chính sách của nhà nước về phòng, chống mua bán người; (6) quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

- Chương II. Phòng ngừa mua bán người

Có 15 điều (từ Điều 7 đến Điều 21) quy định về: (1) Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người; (2) Tư vấn về phòng ngừa mua bán người; (3) Quản lý về an ninh, trật tự; (4) Quản lý hoạt động kinh doanh, dịch vụ; (5) Quản lý hoạt động xuất nhập cảnh; (6) Trao đổi thông tin để quản lý hoạt động xuất nhập cảnh; (7) Lòng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; (8) Quyền và trách nhiệm của cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người; (9) Trách nhiệm của gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người; (10) Trách nhiệm của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia phòng ngừa mua bán người; (11) Trách nhiệm phòng ngừa mua bán người trong tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ; (12) Trách nhiệm của cơ quan báo chí, thông tấn tham gia phòng ngừa mua bán người; (13) Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia phòng ngừa mua bán người; (14) Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia phòng ngừa mua bán người; (15) Trách nhiệm của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia phòng ngừa mua bán người.

- Chương III. Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người

Có 05 điều (từ Điều 22 đến Điều 26) quy định về: (1) Tố cáo, tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố hành vi vi phạm; (2) phát hiện hành vi vi phạm thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra; (3) phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm thông qua hoạt động nghiệp vụ phòng, chống tội phạm; (4) giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hành vi phạm tội mua bán người, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; (5) xử lý vi phạm.

- Chương IV. Tiếp nhận, xác minh, xác định và bảo vệ nạn nhân

Có 10 điều (từ Điều 27 đến Điều 36), Chương này chia thành **03 mục**, như sau:

+ **Mục 1: Tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân** (từ Điều 27 đến Điều 31), quy định về: (1) Tiếp nhận, xác minh người đến trình báo; (2) tiếp nhận, xác minh nạn nhân được giải cứu; (3) giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài; (4) tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở

về; (5) tiếp nhận, xác minh, giải cứu và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam;

+ **Mục 2: Căn cứ để xác định nạn nhân; giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân** (từ Điều 32 đến Điều 33), quy định về: (1) căn cứ để xác định nạn nhân; (2) giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân và thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân.

+ **Mục 3: Bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người thân thích của họ** (từ Điều 34 đến Điều 36), quy định về: (1) điều kiện và đối tượng được bảo vệ; (2) biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng; (3) bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng.

- **Chương V. Hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân**

Có 11 điều (từ Điều 37 đến Điều 47), quy định về: (1) Đối tượng và chế độ hỗ trợ; (2) Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; (3) Hỗ trợ y tế; (4) Hỗ trợ phiên dịch; (5) Hỗ trợ pháp luật, trợ giúp pháp lý; (6) Hỗ trợ chi phí đi lại; (7) Hỗ trợ tâm lý; (8) Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm; (9) Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn; (10) Cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ; (11) Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- **Chương VI. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan về phòng chống mua bán người**

Có 09 điều (từ Điều 48 đến Điều 56), quy định về: (1) Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người; (2) trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người; (3) trách nhiệm của Bộ Công an; (4) trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; (5) trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) trách nhiệm của Bộ Y tế; (7) trách nhiệm của Bộ Ngoại giao; (8) trách nhiệm của Bộ Tư pháp; (9) trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp về phòng, chống mua bán người.

- **Chương VII. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người**

Có 04 điều (từ Điều 57 đến Điều 60), quy định về: (1) Nguyên tắc hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người; (2) thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người; (3) hợp tác quốc tế trong việc giải cứu và đưa nạn nhân về nước; (4) tương trợ tư pháp trong phòng, chống mua bán người.

- **Chương VIII. Điều khoản thi hành**

Có 03 điều (từ Điều 61 đến Điều 63), quy định về: (1) Bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Quy định chuyển tiếp.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI NĂM 2024

1. Những quy định chung

1.1. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 quy định khái niệm mua bán người như sau:

“Mua bán người là hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác cũng được coi là mua bán người ngay cả khi không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.”

Đây là một trong những nội dung rất quan trọng của Luật và đã được rà soát kỹ lưỡng để nội luật hóa đầy đủ các quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, cụ thể là Nghị định thư Palermo, Công ước ASEAN về phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bảo đảm tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng, chống mua bán người.

Theo đó, khái niệm mua bán người đã kết hợp đủ 03 yếu tố (hành vi, mục đích, thủ đoạn). Trong đó, (1) Hành vi gồm: Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người; (2) Mục đích gồm: Nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc mục đích vô nhân đạo khác; (3) Thủ đoạn gồm: Sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác. Quy định này thể hiện những hành vi, mục đích và thủ đoạn đặc trưng nhất của mua bán người. Khái niệm mua bán người trong Luật mở rộng hơn một số nội dung so với Bộ luật Hình sự và pháp luật hiện hành sẽ làm cơ sở để hoàn thiện pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự nhằm xử lý hiệu quả hơn loại tội phạm này và nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân về phòng, chống mua bán người.

Cùng với việc mở rộng khái niệm mua bán người thì các biện pháp xử lý khác cũng sẽ được xem xét áp dụng bên cạnh biện pháp xử lý hình sự. Đồng thời để bảo đảm tính nghiêm minh và tăng cường công tác phòng ngừa, khái niệm mua bán người trong dự thảo Luật còn có nội dung rộng hơn quy định của một số điều ước quốc tế, như: Bổ sung mục đích vô nhân đạo khác, thủ đoạn khác.

1.2. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 3)

Tại khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 bổ sung quy định cấm hành vi “*thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai*”.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, trong một số trường hợp quyền dân sự chỉ có thể được xác lập sau khi một người được sinh ra và còn sống; theo quy định của Bộ luật Hình sự thì việc phạm tội đối với phụ nữ mang thai thì chỉ bị coi là tình tiết tăng nặng mà không bị coi là phạm tội đối với nhiều người. Như vậy, về mặt pháp lý chỉ được coi là người khi được sinh ra và còn sống. Theo y học thì bào thai cũng chưa được xác định là con người. Do đó, việc quy định mua bán bào thai trong khái niệm mua bán người là không phù hợp. Tuy nhiên, thời gian qua, đã xuất hiện tình trạng mua bán bào thai nhằm mục đích mua bán đứa trẻ sau khi được sinh ra (có những trường hợp phụ nữ mang thai đã thỏa thuận xuất cảnh ra nước ngoài, sau đó sinh và giao con cho người khác để lấy tiền, vật chất để về nước) và đây là thực tế rất đáng lo ngại. Việc thỏa thuận mua bán này thực chất là tiền đề của hành vi mua bán người (mua bán người từ giai đoạn còn đang là bào thai), nhưng việc xử lý hành vi này lại chưa được pháp luật điều chỉnh. Trước yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người từ sớm, từ xa; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm liên quan đến phụ nữ, trẻ em, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã quy định hành vi nghiêm cấm “*thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai*”.

1.3. Nguyên tắc phòng, chống mua bán người (Điều 4)

Khoản 5 Điều 4, Luật đã bổ sung nguyên tắc “*Tùy từng trường hợp cụ thể và theo quy định của pháp luật có liên quan, nạn nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là hệ quả trực tiếp của hành vi mua bán người có thể không bị xử lý hành chính hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này*”

Trên thực tế nhiều nạn nhân trong quá trình bị mua bán đã phải thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và theo quy định của pháp luật hiện hành thì các hành vi nêu trên phải bị xử lý; điều này là chưa thực sự bảo đảm được tính nhân đạo và chưa phù hợp với Công ước ASEAN về phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Công ước ACTIP)² trong việc bảo vệ nạn nhân. Do đó, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã bổ sung nguyên tắc tại khoản 5 Điều 4.

Nguyên tắc này bảo đảm cho cơ quan có thẩm quyền cân nhắc, xem xét, quyết định một cách thận trọng theo từng trường hợp cụ thể để xử lý hành vi vi phạm pháp luật của nạn nhân cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật

² Điều 14 - Bảo vệ nạn nhân bị buôn bán của Công ước ACTIP quy định:

“7. Mỗi bên, phù hợp với quy định, quy chế, pháp luật và chính sách của quốc gia, trong từng trường hợp cụ thể, cân nhắc không áp dụng hình phạt hoặc trách nhiệm hành chính đối với nạn nhân bị buôn bán vì hành vi trái pháp luật của người này nếu những hành vi trái pháp luật đó là hệ quả trực tiếp của hành vi buôn bán người”.

Việt Nam, bảo đảm phù hợp với Công ước ASEAN về phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

2. Tiếp nhận, xác minh, xác định và bảo vệ nạn nhân

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 bổ sung các quy định để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, các luật liên quan và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người thời gian qua như:

(1) Bổ sung một số quyền, nghĩa vụ của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân;

(2) Bổ sung quy định về bảo vệ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; người thân thích của họ;

(3) Hoàn thiện quy định về tiếp nhận, xác minh, xác định và bảo vệ nạn nhân;

So với Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Chương về tiếp nhận, xác minh, xác định và bảo vệ nạn nhân bổ sung 01 mục, 03 điều và sửa đổi, bổ sung 07 điều; cụ thể như sau:

2.1. Tiếp nhận, xác minh người đến trình báo (Điều 27)

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 quy định người nào có căn cứ cho rằng mình là nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp có căn cứ cho rằng người được họ đại diện là nạn nhân thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất trình báo về việc bị mua bán. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người có thể là nạn nhân bị mua bán hoặc người đại diện hợp pháp được hỗ trợ kịp thời, nhất là đối với những người vừa mới thoát khỏi nơi họ bị mua bán.

Trường hợp Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, cơ quan, tổ chức tiếp nhận trình báo có trách nhiệm đưa ngay người đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của Luật này.

Khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, với cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện ngay việc tiếp nhận, hỗ trợ và chậm nhất là 03 ngày phải chủ trì phối hợp với Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện) xác minh thông tin ban đầu.

Sau khi xác minh thông tin ban đầu, nếu chưa có giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân, giấy tờ, tài liệu chứng minh người đó là nạn nhân do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện đề nghị Công an cấp huyện tiến hành xác minh nạn nhân.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, Công an cấp huyện có trách nhiệm xác minh nạn nhân và trả lời bằng văn bản cho cơ quan đã đề nghị.

Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn xác minh nạn nhân không quá 02 tháng; trường hợp chưa thể xác định được nạn nhân trong thời hạn 02 tháng thì thời hạn xác minh có thể kéo dài thêm, nhưng tổng thời hạn xác minh không quá 04 tháng. Quy định này phù hợp với quy định về thời hạn, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngay sau khi có kết quả xác minh hoặc hết thời hạn nêu trên thì Công an cấp huyện phải cấp giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân.

Sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện việc hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định về hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng tại Chương V của Luật. Trường hợp họ có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí đi lại; nếu cần được chăm sóc về sức khỏe, tâm lý hoặc chưa xác định được nơi cư trú mà có nguyện vọng được lưu trú thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú, trường hợp không có nơi nương tựa hoặc có căn cứ cho rằng họ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Chính phủ quy định chi tiết về tiếp nhận, xác minh người đến trình báo.

2.2. Giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài (Điều 29)

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã bổ sung quy định về giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài với nội dung cụ thể:

+ Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người là nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước trao đổi, do người tự trình báo là nạn nhân hoặc do người biết việc đến trình báo thì thực hiện các công việc sau đây:

Trường hợp người đó chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và giải cứu;

Trường hợp người tự trình báo là nạn nhân hoặc đã được giải cứu thì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại và cơ quan có thẩm quyền của

Việt Nam ở trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan, thực hiện hỗ trợ theo quy định về hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng tại Chương V của Luật và cấp giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân, giấy tờ, tài liệu chứng minh người đó là nạn nhân do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự.

+ Ngay sau khi nhận được đề nghị xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước có trách nhiệm tổ chức xác minh, trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phối hợp cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa về nước.

+ Trường hợp chưa đủ căn cứ cấp giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân, giấy tờ, tài liệu chứng minh người đó là nạn nhân do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân theo quy định của pháp luật và đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở trong nước xác minh, cấp giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân; thời hạn xác minh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật.

+ Trường hợp thỏa thuận quốc tế có quy định về việc trao đổi thông tin trực tiếp, hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

+ Chính phủ quy định chi tiết về giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài.

2.3. Tiếp nhận, xác minh, giải cứu và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam (Điều 31)

Thực tiễn cho thấy trong tổng số các nạn nhân bị mua bán người ở Việt Nam có một số lượng nạn nhân là người nước ngoài và trước diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm mua bán người trên thế giới và ở nước ta thời gian qua, dự kiến thời gian tới, nguy cơ nạn nhân là người nước ngoài có thể xuất hiện nhiều hơn. Do đó, Luật đã bổ sung 01 điều quy định về tiếp nhận, xác minh và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

+ Khi nhận được thông tin, tài liệu về người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong nước trao đổi hoặc do người biết việc đến trình báo, cơ quan, tổ chức đã tiếp nhận thông tin, tài liệu có trách nhiệm báo ngay cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) nơi người nước ngoài đang có mặt để xác minh, giải cứu.

Trường hợp thông qua hoạt động nghiệp vụ mà phát hiện người nước ngoài có dấu hiệu bị mua bán tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đến trình báo họ là nạn nhân bị mua bán thì cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân tiến hành giải cứu, xác minh.

Khi có đủ căn cứ xác định người được giải cứu, người tự trình báo là nạn nhân thì cơ quan đã giải cứu, tiếp nhận trình báo cấp giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân; giấy tờ, tài liệu chứng minh người đó là nạn nhân do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự trước khi chuyển giao.

+ Sau khi tiếp nhận hoặc giải cứu người nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân tiến hành sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe; thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch và đưa người đó đến cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện nơi cơ quan tiếp nhận có trụ sở hoặc nơi họ được giải cứu.

+ Sau khi tiếp nhận người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện tiến hành hỗ trợ theo quy định và thông báo cho cơ quan chuyên môn về ngoại vụ cấp tỉnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh thực hiện các công việc để trao trả về nước mà họ là công dân hoặc nước họ thường trú.

+ Khi nhận được công hàm của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam mà nạn nhân là công dân hoặc là người đang thường trú tại nước đó trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về các vấn đề để đưa nạn nhân về nước, sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của nạn nhân cho cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an.

+ Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện cấp thị thực, chứng nhận tạm trú cho nạn nhân, thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh nơi đang lưu giữ nạn nhân, Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam mà nạn nhân là công dân hoặc thường trú, các tổ chức quốc tế có liên quan để phối hợp đưa nạn nhân về nước.

+ Cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước.

+ Chính phủ quy định chi tiết về tiếp nhận, xác minh, giải cứu và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

2.4. Điều kiện và đối tượng được bảo vệ (Điều 34)

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 quy định: Những người sau đây nếu bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác do có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người thì tùy từng trường hợp được áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại Điều 35 của Luật này: (1) Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng; (2) Người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; (3) Cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân.

2.5. Biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng (Điều 35)

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng (Điều 35) theo hướng dẫn chiếu pháp luật có liên quan (tổ tụng hình sự, tố cáo) và quy định về một số biện pháp bảo vệ (bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ; các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản theo quy định của pháp luật) đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không thuộc trường hợp họ là người tố cáo theo pháp luật về tố cáo, người tham gia tố tụng hình sự theo pháp luật về tố tụng hình sự. Trường hợp người được bảo vệ từ chối hoặc không chấp hành đầy đủ biện pháp bảo vệ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng thì phải chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân, người thân thích của mình trừ trường hợp bị đe dọa hoặc bị ép buộc. Đồng thời, quy định cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ phòng, chống mua bán người áp dụng biện pháp bảo vệ theo thẩm quyền.

Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc về tiếp nhận, xác minh, xác định và bảo vệ nạn nhân trong thời gian qua; đồng thời, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, thống nhất với quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, tố cáo.

2.6. Bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng (Điều 36)

Một trong những quy định mới, rất quan trọng của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024, đó là quy định về chế độ hỗ trợ đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng.

Thực tiễn thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 trong những năm qua cho thấy một trong những vướng mắc lớn là khi những người có dấu hiệu bị mua bán đến trình báo với các cơ quan chức năng về việc bị mua bán, khi các cơ quan chức năng tiếp nhận, giải quyết rất cần được hỗ trợ các

nhu cầu thiết yếu cơ bản như ăn, ở, mặc, đi lại, y tế, tâm lý, phiên dịch... Tuy nhiên, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 không có quy định về các cơ quan có thẩm quyền triển khai thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng mà chỉ khi họ được xác định là nạn nhân thì mới được hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu nêu trên. Do vậy, cần bổ sung chế định này trong Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã lắp được khoảng trống về việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho đối tượng này, đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trong thời gian tới.

3. Hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (Chương V)

Với nguyên tắc lấy nạn nhân, người đang trong quá trình xác định nạn nhân làm trung tâm, Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã dành 01 chương quy định về hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ; cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ; cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 đã bổ sung và nâng cao chế độ hỗ trợ cho đối tượng này để phù hợp với thực tiễn hiện nay và điều kiện kinh tế của đất nước ta trong thời gian tới, với các chế độ hỗ trợ như: (1) Hỗ trợ các khoản chi phí đi lại và tiền ăn để trở về nơi cư trú (Luật hiện hành quy định chỉ nạn nhân không có khả năng chi trả mới được hỗ trợ); (2) Được hỗ trợ chi phí khám sức khỏe khi tiếp nhận, được sơ cứu, cấp cứu nếu bị thương tích, tổn hại sức khỏe; trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân nếu cần được chăm sóc để phục hồi sức khỏe thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh; chưa có bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trong năm đầu tiên (Luật hiện hành quy định chỉ nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân mới được hỗ trợ); (3) Mở rộng đối tượng được hỗ trợ để ổn định tâm lý đối với trường hợp nạn nhân không lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Luật hiện hành quy định chỉ nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân mới được hỗ trợ); (4) Được hỗ trợ pháp luật bằng hình thức tư vấn để phòng ngừa bị mua bán trở lại, tư vấn làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ; mở rộng đối tượng và nội dung được trợ giúp pháp lý; (5) Mở rộng đối tượng khi trở về nơi cư trú được xem xét hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện để có việc làm, ổn định cuộc sống (Luật hiện hành quy định chỉ nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được hỗ trợ); (6) Mở rộng đối tượng nạn nhân khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu (Luật hiện hành quy định chỉ nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được hỗ trợ); (7) Được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Luật hiện hành không quy định nạn nhân được hỗ trợ chế độ này). Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan,

tổ chức thực hiện việc hỗ trợ; cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo đảm phân cấp, phân quyền cụ thể cho các cơ quan chức năng.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng nâng cao chế độ hỗ trợ nạn nhân nhằm khắc phục những bất cập hiện nay, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam thời gian tới, thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền của nạn nhân bị mua bán; cụ thể hóa nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; lấy nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân làm trung tâm; bảo đảm an sinh xã hội cho nạn nhân sẽ góp phần ổn định xã hội.

4. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Điều 47)

Thực tiễn cho thấy, các nạn nhân bị mua bán chủ yếu thuộc đối tượng yếu thế, khó khăn về tài chính, cần được hỗ trợ, do đó, Nhà nước xác định việc hỗ trợ các chế độ thiết yếu ban đầu đối với nạn nhân bị mua bán thuộc trách nhiệm chính của Nhà nước. Mặc dù đến nay, chưa có cơ sở hỗ trợ nạn nhân nào được thành lập theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 nhưng Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 tiếp tục quy về việc thành lập cơ sở này. Đây là quy định có tính dự liệu nhằm huy động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ nạn nhân, hoạt động không sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người (Điều 57)

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 quy định: “Nhà nước Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi”./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (NT.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG